

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 31-7-2017
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Hằng - Phó chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ h. Trảng Bom.
2. Ông Phan Tuấn Anh - Phó trưởng phòng tư pháp huyện Trảng Bom.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai:
Ông Phạm Ngọc Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2017 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Sứ Vòng L, sinh năm 1972

HKTT: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bị đơn: Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1970

Nơi cư trú cuối cùng: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Sứ Vòng L trình bày:

Chị L và anh Phạm Thanh P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay là xã B, huyện T’), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/8/1991. Vợ chồng chị có 03

con chung là: Phạm Thanh T, sinh ngày 19/10/1993; Phạm Thanh T', sinh ngày 21/01/1996 và Phạm Kim P, sinh ngày 17/5/1997.

Sau khi kết hôn, chị và anh P về chung sống với nhau tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Đến đầu năm 1997, do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên anh P đã bỏ nhà đi đến nay không quay về. Mặc dù, chị L đã tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của anh P và chị không biết anh P ở đâu. Chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh P mất tích năm 2010 và cho đến nay vẫn không có thông tin về anh P. Vì thời gian chờ đợi đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Về con chung*: Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị L cam kết giữa chị và anh P không có nợ chung.

Bị đơn - anh Phạm Thanh P: Không có lời khai.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Về thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm; đương sự tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ *Về thủ tục tố tụng*: Theo Quyết định số 04/2010/QĐST-VDS ngày 08/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã tuyên bố anh Phạm Thanh P mất tích tại nơi cư trú cuối cùng ở ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo yêu cầu của chị Sứ Vòng L. Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2017, thể hiện anh P tuy vẫn đăng ký thường trú tại địa phương nhưng không sinh sống ở đây. Đến nay chị L vẫn không biết tin tức, không liên lạc được với anh P. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn – anh Phạm Thanh P theo quy định pháp luật.

2/ *Về nội dung vụ án*:

Chị L và anh P kết hôn, không vi phạm điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay là xã B, huyện T'), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/8/1991. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Theo lời trình bày của chị L thì chị và anh P không còn chung sống với nhau từ đầu năm 1997 cho đến nay và thực tế anh P đã bỏ nơi cư trú đi từ năm 1997 theo quyết định tuyên bố mất tích nêu trên. Qua đó chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P không có sự vun đắp từ hai phía, không có sự chăm

sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên tình cảm của chị L dành cho anh P không còn là có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 2 điều Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị L và anh P có 03 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị L không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 147, 220, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sứ Vòng L.

Chị Sứ Vòng L được ly hôn với anh Phạm Thanh P.

Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Chị Sứ Vòng L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005108 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

3/ Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND x.B, h.T;
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thùy Dung